

Hội thảo khoa học quốc tế: Nhu cầu, định hướng và đào tạo tâm lý học đường tại Việt Nam

Vừa qua, tại Hà Nội, Viện Tâm lý học, Viện KHXH Việt Nam và 6 trường Đại học của Việt Nam cùng 2 trường Đại học Hoa Kỳ phối hợp tổ chức cuộc hội thảo khoa học với chủ đề *Nhu cầu, định hướng và đào tạo tâm lý học đường tại Việt Nam*. Tham dự Hội thảo có khoảng 150 đại biểu đến từ các bộ, ban, ngành, các cơ quan chức năng, các viện nghiên cứu và các trường đại học trong nước và quốc tế. Ngoài ra còn có sự tham gia của đại diện đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam. 78 báo cáo được gửi tới hội thảo.

Tại Hội thảo, các đại biểu trình bày tham luận và tập trung thảo luận nhằm làm rõ những nội dung chính sau:

- Một số vấn đề tâm lý của học sinh, sinh viên Việt Nam hiện nay;
- Thực trạng công tác thực hành đối với tâm lý học đường, sự hỗ trợ của xã hội và các cơ quan chức năng;
- Thực trạng nghiên cứu và đào tạo tâm lý học đường tại Việt Nam;
- Công tác nghiên cứu, đào tạo cũng như các mô hình trợ giúp tâm lý học đường tại Mỹ và kinh nghiệm cho Việt Nam;
- Xây dựng chương trình đào tạo tâm lý học đường cho Việt Nam và định hướng phát triển.

Đại diện của hai trường đại học Hoa Kỳ: Ph.D. Kristi Hagans; Ph.D. Kristin Powers (California State University, Long Beach) và Ph.D Michael Hass (Chapman University) đã trình bày về giáo dục tâm lý học đường và các chương

trình đào tạo. Họ cho rằng: các thí sinh thi ngành tâm lý học đường phải chứng minh được năng lực đầu vào đối với mỗi một lĩnh vực (tiêu chí) về khả năng thực hành chuyên nghiệp. Các khả năng này bao gồm cả kiến thức và các kỹ năng thao tác. Các chương trình của tâm lý học đường đảm bảo cho các thí sinh có một kiến thức nền tảng vững chắc về tâm lý và giáo dục, bao gồm lý thuyết, mô hình, kinh nghiệm và phương pháp kỹ thuật đối với mỗi một lĩnh vực. Các chương trình của tâm lý học đường cũng đảm bảo cho các thí sinh chứng minh được các kỹ năng chuyên môn cần thiết để cung cấp những dịch vụ một cách hiệu quả nhất. Các lĩnh vực không tách rời nhau mà nên kết hợp với chương trình giảng dạy, thực hành. Họ cũng đưa ra 11 tiêu chí NASP về đào tạo và thực hành tâm lý học đường.

Các đại biểu tham dự Hội thảo đều thống nhất rằng, việc mở rộng tâm lý học đường tại Việt Nam là một việc nên làm và cần sự quan tâm, chung tay góp sức của tất cả mọi người. Hội thảo Tâm lý học đường này cũng là một bước khởi đầu quan trọng trên con đường xây dựng một ngành Tâm lý học đường từ cả phương diện lý luận lẫn thực hành và đào tạo ở Việt Nam.

BÙI THỊ HỒNG

Tọa đàm khoa học “Khủng hoảng tài chính toàn cầu và những gợi ý dài hạn cho một nền kinh tế chớm thị trường: Việt Nam”

Ngày 17/8/2009, tại Hà Nội, Viện KHXH Việt Nam chủ trì tổ chức buổi tọa đàm với chủ đề “Khủng hoảng tài chính toàn cầu và những gợi ý dài hạn cho một nền kinh tế chớm thị trường: Việt Nam”.

Chủ đề của tọa đàm cũng là tham luận chính được trình bày bởi GS. James Riedel, khoa Kinh tế quốc tế William L. Clayton, trường Quốc tế học cao cấp (thuộc trường Đại học Johns Hopkins), Washington, DC., Mỹ. Tham dự và trao đổi ý kiến tại tọa đàm có đông đảo các nhà nghiên cứu của Viện KHXH Việt Nam cùng các viện nghiên cứu và trường đại học trong nước.

Về cuộc khủng hoảng toàn cầu, GS. James Riedel nêu rõ *4 nguyên nhân của sự hỗn loạn trên thị trường cho vay thế chấp thứ cấp* là thất bại của chính sách vĩ mô, chính trị, điều tiết và thị trường; và *các tác động của khủng hoảng tài chính trên toàn thế giới và Việt Nam*, là: tổn thất to lớn về của cải (khoảng 25 nghìn tỷ US\$) đi cùng với sự sụp đổ trong giá trị vốn và giá nhà đất; sự sụt giảm kinh tế toàn cầu do tín dụng co hẹp và tổn thất của cải; sự lan truyền sang các nước đang phát triển thông qua thương mại và tài chính quốc tế (tăng trưởng nhập khẩu của các nước đang phát triển); dòng vốn tư nhân rò rỉ sang các nước đang phát triển; tác động lên tăng trưởng ở Việt Nam và các nước láng giềng (số thực tế (2002-2008) và IMF dự báo (2009-2014) về tăng trưởng GDP thực); tác động lên tăng trưởng ở Việt Nam thông qua chi tiêu; tác động lên xuất khẩu và nhập khẩu; tác động lên dòng vốn...

Về trường hợp Việt Nam, GS. James Riedel cho biết, toàn cầu hóa đã có tác động tích cực đối với nền kinh tế Việt Nam. Mức tăng trưởng cao và lạm phát thấp trước tình trạng hỗn loạn vào giữa năm 2008. Chìa khóa cho thành công trong quá khứ là những thay đổi mang tính cơ cấu, ưu tiên hơn đến công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu và tăng trưởng trong khu vực phi nhà nước, nhất là đầu

tư trực tiếp (chiếm 30% đầu ra sản xuất công nghiệp). Tuy nhiên, khu vực doanh nghiệp tư nhân vẫn còn phát triển ở mức dưới tầm và không giống như Trung Quốc, Việt Nam vẫn chưa tinh giản được khu vực công nghiệp quốc doanh. Sự tăng trưởng của các siêu cơ cấu như công nghiệp và nông nghiệp của nền kinh tế chưa kéo theo sự củng cố một cách đầy đủ các cơ sở nền tảng là hạ tầng kinh tế và xã hội theo nghĩa rộng.

Tại tọa đàm, các đại biểu nhất trí với những gợi ý dài hạn cho Việt Nam là, Việt Nam phải phụ thuộc ít hơn vào xuất khẩu sang các nước châu Mỹ, châu Âu phụ thuộc nhiều hơn vào cầu nội địa, tạo công ăn việc làm cho người lao động vẫn phải theo định hướng xuất khẩu và tận dụng cơ hội Trung Quốc chuyển dịch cơ cấu kinh tế để phát triển những ngành công nghiệp mà nước này không còn thế mạnh trong tương lai.

PV.

Hội nghị thông báo những phát hiện mới về khảo cổ học lần thứ 44 - năm 2009

Trong hai ngày 24-25/9/2009, tại Hà Nội, Viện Khảo cổ học, Viện KHXH Việt Nam tiến hành hội nghị thông báo những phát hiện mới về khảo cổ học lần thứ 44, với sự tham gia của đông đảo các nhà khảo cổ học, các nhà sử học trong và ngoài nước, các chuyên gia bảo tàng, bảo tồn, các nhà quản lý văn hóa, các nhà nghiên cứu, các cộng tác viên quan tâm đến khảo cổ học trong cả nước.

Phát biểu khai mạc Hội nghị, PGS., TS. Tống Trung Tín (Viện trưởng Viện Khảo cổ học), cho biết, năm 2009, Viện Khảo cổ học đã nhận được 424 thông báo về những phát hiện khảo cổ học từ các địa phương trên khắp mọi miền đất nước. Có thể coi, đây là năm “đạt mùa” của khảo cổ khi có tới hơn 400 công trình nghiên

cứu thuộc các thời đại đồ đá, kim khí, khảo cổ học lịch sử, Chăm-pa - Óc Eo, được thực hiện. Đã có hàng loạt các phát hiện mới tại các di tích. Kết quả thu được từ các di tích và di vật này góp phần khôi phục bức chân dung xác thực của lịch sử dân tộc, lịch sử văn hóa văn minh Việt Nam từ thời kỳ tối cổ cho đến thời cận hiện đại.

Theo báo cáo của PGS., TS. Nguyễn Khắc Sử (Viện Khảo cổ học), mùa điền dã 2008-2009, các nhà khảo cổ học đã thu được một số kết quả đáng chú ý, như: lần đầu phát hiện di cốt người cổ ở Sơn La; quần thể động vật tại hang Mỏ Tuyển ở Lào Cai (thuộc khảo cổ học thời đại Đá); 12 thông báo phát hiện mới ở Tuyên Quang (phát hiện lần đầu văn hoá Gò Mun tại đây), Vĩnh Phúc, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế, Đắk Lắk (thuộc khảo cổ học thời đại Kim khí); khai quật di tích Thành Hồ, Phú Yên, khu tháp Dương Long...; bổ sung thêm nhiều phát hiện mới thuộc khảo cổ học Chăm-pa - Óc Eo (văn minh Chăm-pa ở Bình Định).

Từ những phát hiện đó đã giúp các nhà quản lý lập quy hoạch bảo vệ, trùng tu, tôn tạo, xếp hạng, khai thác nhiều di tích, di sản tiêu biểu, như các di tích thời Trần (Nam Định), đàn Nam Giao (Thanh Hóa), đàn Xã Tắc (Thừa Thiên-Huế), tháp Dương Long (Bình Định)..., hay như lần khai quật thứ 4 địa điểm Phùng Nguyên đã xác định được khu vực tiềm năng để Bảo tàng Phú Thọ lập quy hoạch bảo tồn, tôn tạo di chỉ; khai quật di tích chùa-tháp Kim Tôn đã xác định dấu vết kiến trúc chùa-tháp, thu được hàng ngàn hiện vật, là tư liệu quý để nghiên cứu kiến trúc chùa-tháp và nghệ thuật Phật giáo thời Trần.

Cuộc khai quật lần thứ 3 di tích đàn Nam Giao (Thanh Hóa) trên diện tích

3088m² đã xác định chính xác 3 nền đàn, 3 vòng đàn xây bằng đá, khẳng định đây là đàn tế Nam Giao của vương triều Hồ, là đàn tế cổ nhất còn tương đối nguyên vẹn dấu tích nền móng trong lịch sử kiến trúc Việt Nam.

Khai quật di tích kiến trúc trong trường PTCS Dục Tú (Đông Anh, Hà Nội) phát hiện phế tích kiến trúc có dạng vòm cuốn, có thể là đoạn cổng của hệ thống công trình kiến trúc khá đồ sộ thời Đông Hán.

Bên cạnh đó, các cuộc khai quật lớn để di dời các di tích ra khỏi vùng có dự án kinh tế lớn của Nhà nước, được thực hiện có hiệu quả, như ở 62-64 Trần Phú (Hà Nội) và các di chỉ vùng lòng hồ thủy điện Sơn La, Vĩnh Yên (Khánh Hòa).

Theo PGS. Tống Trung Tín, khảo cổ học ngày càng đẩy mạnh việc nghiên cứu liên ngành, đa ngành nên đã nhận diện được chính xác và khách quan hơn giá trị của từng di chỉ. Ngành khảo cổ học đã hướng tới mục tiêu bảo vệ tốt các di sản nhưng không "ngăn cản" sự phát triển của đất nước. Bên cạnh đó, PGS. cũng bày tỏ sự lo lắng của giới khảo cổ học trước nạn đào phá các di tích, di chỉ khảo cổ hiện nay; kiến nghị "khẩn thiết" đối với các cơ quan có thẩm quyền cần phải xếp hạng di tích để tạo cơ sở pháp lý cho việc bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích.

PHẠM VŨ

Hội thảo khoa học: Di cư, Phát triển và Giảm nghèo

Trong hai ngày 5-6/10/2009, tại Hà Nội, Hội thảo khoa học "Di cư, Phát triển và Giảm nghèo" đã được tổ chức với sự phối hợp của Viện KHXH Việt Nam (VASS) và Liên Hợp Quốc tại Việt Nam (UN). Tham dự Hội thảo có các lãnh đạo đại diện UN, VASS, các ban, ngành trong

nước và các chuyên gia, nhà nghiên cứu,... trong nước và quốc tế.

Tại Hội thảo, các đại biểu nhất trí rằng, lợi ích của di cư trong nước không những đã được nhận thấy ở cấp quốc gia và khu vực mà còn ở cấp độ cá nhân người di cư và gia đình họ. TS. Bruce Campbell, Trưởng Đại diện UNFPA nhấn mạnh tới khía cạnh thúc đẩy phát triển của di cư, bởi “di cư có thể giúp thúc đẩy phát triển con người. Những người phụ nữ, nam giới và trẻ em chuyển đi nơi khác sinh sống, những cộng đồng mà họ chuyển đến và những người ở lại quê hương, tất cả đều được hưởng lợi”. Lợi ích từ việc chuyển tiền về cho gia đình và cộng đồng của người di cư là một lợi ích quan trọng. Ước tính tổng số tiền mà người di cư trong nước và quốc tế gửi về trong năm 2007 theo *Báo cáo phát triển con người năm 2009* của UNDP là 5,5 tỉ Đô la Mỹ.

Tại Việt Nam, di cư trong nước đã và đang góp phần tăng trưởng kinh tế nhanh chóng và giảm nghèo, điều này thể hiện rất rõ trong vòng 20 năm qua. Các dữ liệu gần đây của cuộc Điều tra quốc gia về biến động dân số năm 2007 chỉ ra rằng, cứ 100 người dân thì có 7,5 người di cư, cao gấp hơn 2 lần con số của năm 2005 (tỉ lệ này là 3,36 người di cư/1000 dân). Kết quả nghiên cứu cho thấy thu nhập được tạo ra tại các khu vực thành thị và khu công nghiệp của Việt Nam có xu hướng được chuyển về các vùng nghèo hơn. Đây chính là một hệ quả tích cực trực tiếp tác động lên hoạt động di cư của người dân. Nhờ đó, Việt Nam đã giảm được đáng kể tỉ lệ nghèo đói – từ 58% năm 1993 xuống còn 15,6% năm 2006.

Bên cạnh việc ghi nhận những đóng góp về kinh tế và xã hội của người di cư, Hội thảo cũng nêu rõ những thách thức về mặt xã hội liên quan tới quá trình di

cư, như: người di cư dễ bị tổn thương và cần được sự quan tâm đặc biệt của các nhà hoạch định chính sách, bởi di cư nông thôn - đô thị tạo ra những áp lực về cơ sở hạ tầng hiện nay ở các thành phố và các dịch vụ xã hội như nhà ở, khám chữa bệnh, hệ thống điện nước và vệ sinh; đảm bảo tiếp cận công bằng các dịch vụ có chất lượng về chăm sóc y tế, giáo dục và các dịch vụ xã hội khác cho người di cư cũng là một thách thức; hệ thống đăng ký hộ khẩu hiện nay là rào cản đối với người di cư trong việc tiếp cận các dịch vụ và thông tin mà người dân sở tại được hưởng; rủi ro lớn nhất đối với phụ nữ di cư là bị lạm dụng tình dục và bạo lực dẫn đến nguy cơ bị nhiễm các bệnh lây truyền qua đường tình dục và HIV/AIDS – mà nguyên nhân chính là do thiếu sự bảo trợ xã hội;...

Do vậy, những cân nhắc về mặt chính sách ở trong giai đoạn hiện nay, theo ý kiến tại Hội thảo, cần phải lưu ý: vấn đề di cư cần được lồng ghép vào các chiến lược giảm nghèo quốc gia và quy hoạch phát triển kinh tế – xã hội; điều quan trọng là phải bảo đảm cung cấp các dịch vụ bảo trợ và an sinh xã hội cho người di cư, đặc biệt là người có thu nhập thấp và phụ nữ, và bảo đảm sự tiếp cận bình đẳng các dịch vụ xã hội khác như giáo dục, chăm sóc y tế, đặc biệt xét trên góc độ giới, trẻ em và thanh niên; mặc dù nhiều biện pháp cải cách về thủ tục đăng ký thường trú và tạm trú đã và đang áp dụng để giảm bớt các giới hạn đối với một số nhóm người di cư nhất định, những người di cư không đăng ký hoặc chỉ đăng ký hộ khẩu tạm trú vẫn gặp nhiều khó khăn.

Tại Hội thảo này, UNDP cũng công bố bản *Báo cáo Phát triển con người năm 2009* với tiêu đề “Vượt qua rào cản: Di cư và phát triển con người”.

HÒA AN